

Diện tích, năng suất, sản lượng lúa đông xuân năm 2014 phân theo địa phương

	Thực hiện vụ đông xuân 2014			Tăng/giảm so với vụ đông xuân 2013		
	Diện tích (Nghìn ha)	Năng suất (Tạ/ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)	Diện tích (Nghìn ha)	Năng suất (Tạ/ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
CẢ NƯỚC	3116,3	66,9	20833,0	10,7	2,4	812,2
Đồng bằng sông Hồng	557,7	65,7	3662,7	-3,6	0,0	-24,8
Hà Nội	101,4	61,0	618,8	-0,9	-0,1	-6,8
Vĩnh Phúc	30,8	60,4	186,1	-0,1	0,1	-0,2
Bắc Ninh	36,3	65,0	236,1	-0,1	-1,9	-7,7
Quảng Ninh	17,2	53,1	91,3	0,0	-0,3	-0,6
Hải Dương	63,0	64,6	407,2	-0,4	1,2	4,9
Hải Phòng	37,5	69,1	259,1	-0,5	0,0	-3,5
Hưng Yên	39,5	66,6	262,9	-0,9	-1,1	-10,3
Thái Bình	80,5	71,7	577,3	0,0	0,2	1,6
Hà Nam	33,4	65,9	220,1	-0,4	-0,6	-4,5
Nam Định	76,3	69,2	528,3	-0,2	0,2	0,5
Ninh Bình	41,8	65,9	275,5	-0,1	0,6	1,8
Trung du và miền núi phía Bắc	250,0	56,5	1411,7	2,0	-0,1	8,5
Hà Giang	9,5	55,7	52,9	-0,2	-0,2	-1,3
Cao Bằng	3,3	51,2	16,9	-0,1	-0,8	-0,8
Bắc Kạn	8,7	52,4	45,6	0,8	-1,5	3,0
Tuyên Quang	20,1	59,5	119,6	-0,2	-0,1	-1,4
Lào Cai	9,9	55,5	54,9	0,1	-0,7	-0,1
Yên Bái	19,0	53,8	102,2	0,3	-0,2	1,3
Thái Nguyên	30,4	52,9	160,8	0,3	-0,9	-1,0
Lạng Sơn	16,1	52,3	84,2	0,0	0,2	0,3
Bắc Giang	53,8	59,0	317,3	0,6	-0,2	2,5
Phú Thọ	37,0	57,8	213,8	0,3	-0,2	1,1
Điện Biên	8,5	59,8	50,8	0,2	4,9	5,3
Lai Châu	6,2	54,4	33,7	0,1	1,4	1,4
Sơn La	11,3	60,4	68,2	0,2	-0,1	1,1
Hòa Bình	16,2	56,0	90,8	-0,4	-0,4	-2,9
Bắc Trung Bộ						
và duyên hải miền Trung	586,2	62,6	3667,1	11,1	3,0	241,8
Thanh Hóa	124,0	64,2	796,3	1,5	2,2	36,4
Nghệ An	90,2	66,0	595,7	1,5	4,8	52,5
Hà Tĩnh	56,6	56,0	316,8	1,2	1,1	12,9
Quảng Bình	29,6	59,9	177,3	0,6	2,4	10,5
Quảng Trị	25,6	55,9	143,1	0,2	5,9	16,0
Thừa Thiên-Huế	27,7	60,1	166,6	0,1	2,5	7,5
Đà Nẵng	3,0	63,0	18,9	0,1	1,3	1,0
Quảng Nam	43,6	56,8	247,7	0,5	1,5	9,5

Quảng Ngãi	38,6	59,2	228,5	-0,3	2,4	7,5
Bình Định	47,8	67,9	324,5	2,1	4,5	34,8
Phú Yên	26,9	70,1	188,7	0,0	2,6	7,0
Khánh Hòa	20,7	63,3	131,1	0,3	2,9	7,8
Ninh Thuận	16,0	69,3	110,9	1,0	7,7	18,5
Bình Thuận	35,9	61,6	221,0	2,3	1,7	19,9
Tây Nguyên	85,6	57,8	494,4	5,5	1,6	44,5
Kon Tum	7,2	45,4	32,7	0,1	0,9	1,1
Gia Lai	26,3	57,9	152,2	0,6	4,0	13,7
Đắk Lắk	36,9	61,6	227,3	4,5	-0,9	24,7
Đắk Nông	4,6	61,3	28,2	0,2	4,9	3,4
Lâm Đồng	10,6	50,9	54,0	0,1	1,0	1,6
Đông Nam Bộ	74,1	54,7	405,4	-2,6	1,4	-3,8
Bình Phước	3,3	33,3	11,0		-1,5	-0,5
Tây Ninh	42,6	56,6	241,0	-2,0	1,8	-3,2
Bình Dương	2,6	48,1	12,5	-0,2	0,9	-0,7
Đồng Nai	14,5	58,6	84,9		0,8	1,2
Bà Rịa - Vũng Tàu	5,5	53,1	29,2	0,1	2,2	1,7
TP. Hồ Chí Minh	5,6	47,9	26,8	-0,5	0,2	-2,3
Đồng bằng sông Cửu Long	1562,7	71,6	11191,7	-1,7	3,6	546,0
Long An	235,5	67,1	1580,5	2,8	5,7	151,5
Tiền Giang	77,4	72,0	557,5	-1,9	3,0	10,0
Bến Tre	18,1	58,0	105,0	-0,9	7,3	8,7
Trà Vinh	66,4	67,2	446,2	1,9	6,9	57,2
Vĩnh Long	61,5	70,9	435,9	-2,0	4,4	13,9
Đồng Tháp	207,4	72,2	1497,0	-0,8	1,4	24,2
An Giang	237,5	77,4	1837,2	-0,6	3,9	87,8
Kiên Giang	305,9	72,2	2207,6	5,3	3,1	131,2
Cần Thơ	88,0	73,4	646,1		1,0	8,9
Hậu Giang	77,5	75,2	582,7	-2,4	4,1	15,0
Sóc Trăng	141,3	68,0	961,3		2,0	28,1
Bạc Liêu	46,2	72,4	334,7	-3,1	6,5	9,5
